

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006-2012

PHẠM THỊ NGÀ

*T*ên cơ sở phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 - 2012, bài viết đề xuất định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành trong những năm tiếp theo nhằm phù hợp với quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, với mục tiêu đưa Thái Nguyên sớm trở thành tỉnh công nghiệp phát triển vào năm 2020.

1. Cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2006 – 2012

Giai đoạn này, cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thái Nguyên có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, khai thác tốt ưu thế của tỉnh, từng bước đáp ứng xu thế phát triển và

nhu cầu thị trường: tỷ trọng ngành công nghiệp tăng từ 30,37% năm 2000 lên 41,22 (năm 2012); tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 33,68% (năm 2000) xuống 20,97% năm 2012; tỷ trọng ngành dịch vụ tương đối ổn định trong cơ cấu GDP.

BẢNG 1: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành theo GDP

Đơn vị tính: %

Năm	Tổng số	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
2006	100	24,72	38,76	36,52
2012	100	20,97	41,22	37,81

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2013.

1.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ ngành công nghiệp – xây dựng

Ngành công nghiệp xây dựng: có sự chuyển dịch đúng hướng, song tốc độ chuyển dịch còn chậm, năm 2006 là 38,76%, năm 2007 là 39,54%, năm 2008 là 39,78%, năm 2009 là 40,62%, năm 2012 là 41,22% GDP.

Sự phát triển công nghiệp Thái Nguyên thể hiện ở cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có sự chuyển biến mạnh theo hướng tăng tỷ trọng một số ngành công nghiệp có nhiều lợi thế như: công nghiệp chế biến, chế tạo (đặc biệt là sản xuất kim loại): tỷ trọng công nghiệp chế biến tăng từ 86,5% (năm 2006) lên 93,23,11% (năm 2012), sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí là những ngành dựa trên

lợi thế đặc thù công nghiệp nặng của tỉnh Thái Nguyên có mức tăng tương đương với công nghiệp chế biến.

Cơ cấu công nghiệp cũng hướng tới khai thác mạnh những lợi thế tiềm năng và truyền thống của tỉnh như: sản xuất sắt, thép, xi măng và đạt tốc độ tăng trưởng cao hàng năm. Nhiều mặt hàng, sản phẩm góp phần quan trọng trong chiến lược mở rộng xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu: phôi thép, thép xây dựng, thép kết cấu.... Từ năm 2005 đến năm 2012, ngành công nghiệp khai khoáng của tỉnh Thái Nguyên phát triển mạnh. Năm 2005, giá trị sản xuất của

Phạm Thị Nga, Th.S., Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

ngành mới chỉ đạt 334,4 tỷ đồng, đến năm 2012 đã đạt 3.916 tỷ đồng, tăng gần 12 lần so với năm 2005. Từ chỗ chỉ chiếm tỷ trọng 4,1% giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, đến năm 2012 đã chiếm gần 10% giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

Với tốc độ tăng trưởng vượt trội, vai trò công nghiệp trong nền kinh tế Thái Nguyên được khôi phục và từng bước nâng lên với tốc độ cao bình quân trên 18%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2012 (39.590 tỷ đồng), tăng gần 5 lần so với năm 2005 (8.029 tỷ đồng). Cơ cấu mặt hàng công nghiệp thay đổi phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh và phù hợp với xu thế phát triển của thị trường trong nước và quốc tế: công nghiệp luyện kim là nhóm ngành chủ đạo, được xác định là một trong những khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ 2006 - 2012.

Về sản phẩm công nghiệp: các sản phẩm truyền thống như xi măng, sắt thép, sản phẩm may mặc, kim loại màu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong giá trị sản xuất công nghiệp. Các sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất, công nghiệp chế tạo, lắp ráp điện tử, công nghiệp phụ trợ còn nhỏ bé. Cơ cấu ngành sản xuất chủ đạo vẫn là các ngành luyện kim, sản xuất vật liệu sử dụng nhiều tài nguyên khoáng sản, công nghiệp thâm dụng lao động, các ngành tạo ra giá trị gia tăng lớn, công nghiệp phụ trợ tận dụng lợi thế của tỉnh về lĩnh vực cơ khí chế tạo để phục vụ cho các nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy... còn nhỏ bé, chưa phát triển.

Trên địa bàn tỉnh đã hình thành mạng lưới gần 30 cụm công nghiệp với diện tích hơn 2.000 ha. Số doanh nghiệp đăng ký đầu tư sản xuất

kinh doanh vào các cụm công nghiệp cũng tăng đáng kể, từ 7 dự án năm 2006 lên 53 dự án 10 tháng năm 2010 với tổng vốn đầu tư đăng ký 7.464 tỷ đồng. Một số dự án đầu tư đã hoàn thành đi vào hoạt động hiệu quả như: Công ty cổ phần Bê tông và xây dựng Thái Nguyên; sản xuất vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân Việt Cường; nhà máy sản xuất vật liệu chịu lửa cao cấp của Công ty cổ phần vật liệu luyện kim Lửa Việt; Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Đại Minh - Công ty trách nhiệm hữu hạn Đại Minh; Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàn Mỹ... Các dự án đầu tư khác mặc dù gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ nhưng luôn được các cấp, các ngành cùng với nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, huy động các nguồn lực để đầu tư.

Nhiều dự án có tổng vốn đầu tư lớn như dự án Nhà máy xi măng Quán Triều, tổng vốn đầu tư 1.322 tỷ đồng, Nhà máy nhiệt điện An Khánh, tổng vốn đầu tư 3.000 tỷ đồng, dự án Nhà máy may Phú Bình của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG, tổng vốn đầu tư 275 tỷ đồng. Nhìn chung, tình hình đầu tư vào các cụm công nghiệp đang được triển khai đúng tiến độ. Đặc biệt, khu công nghiệp Yên Bình đã thu hút đầu tư xây dựng tổ hợp công nghệ cao Samsung nhằm sản xuất điện thoại di động và máy ảnh kỹ thuật số với tổng công suất trên 100 triệu sản phẩm/năm và có vốn đầu tư 2 tỷ USD. Với quy mô này, đây là dự án có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Thái Nguyên tính đến thời điểm hiện nay, và đây cũng là kết quả của những nỗ lực liên tục nhằm cải thiện môi trường đầu tư trong thời gian qua của tỉnh Thái Nguyên.

BẢNG 2: Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành phân theo ngành công nghiệp

Đơn vị tính: tỷ đồng

Ngành	Năm 2005	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng số	8.029	19.898,8	25.206	28.085,7	35.046,7	39.590
Công nghiệp khai khoáng	334,4	636,3	777	1.281,3	3.899,3	3.916
Công nghiệp chế biến, chế tạo	7.495,1	18.543	22.729	25.925,9	30.503	34.511,8
Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng	150,3	615,9	618,7	657,6	832,4	915,2
Cung cấp nước, quản lý và xử lý nước thải	49,1	103,6	49,1	220,9	226	247

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2013.

Ngành xây dựng của tỉnh mặc dù nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư dân doanh tăng nhanh qua các năm, song mức độ đóng góp của ngành còn chưa tương xứng, mức đóng góp của ngành mới đạt khoảng 6% GDP; nguyên nhân chủ yếu là do các doanh nghiệp trong ngành xây dựng của địa phương năng lực quản lý, năng lực tài chính còn hạn chế. Do vậy, khi tham gia đấu thầu rộng rãi các gói thầu có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp thường đạt tỷ lệ trúng thầu thấp, do đó chủ yếu tham gia thi công các gói thầu có quy mô nhỏ, mức đóng góp cho tăng trưởng GDP còn đạt thấp.

Như vậy, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành công nghiệp-xây dựng của tỉnh Thái Nguyên được thực hiện gắn liền với sự phát triển các ngành theo hướng đa dạng hóa, từng bước hình thành các ngành trọng điểm, mũi nhọn có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác như các ngành sản xuất xi măng, sắt thép, lương thực, phục vụ sản xuất lương thực.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2006 -2012 khu vực này đạt 4,14%, thấp hơn mục tiêu đề ra (5,5%/năm). Tỷ lệ

đóng góp của ngành nông nghiệp vào GDP có mức giảm nhanh so với mức bình quân chung của cả nước, song chưa đạt mục tiêu đề ra. Năm 2006 đạt 24,72% GDP, năm 2012 giảm xuống còn 20,97% GDP. Nguyên nhân do chỉ số giá ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2006-2012 tăng nhanh hơn khu vực công nghiệp và dịch vụ. Song trong điều kiện diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp để phục vụ cho nhu cầu đô thị hoá, phát triển công nghiệp thì mức tăng trưởng trên là đáng khích lệ; đặc biệt ngành chăn nuôi có mức tăng trưởng khá, đạt bình quân trên 8%, chăn nuôi đã phát triển theo hướng chăn nuôi trang trại, chăn nuôi công nghiệp tuy mức chuyển dịch cơ cấu nội ngành còn chưa rõ nét song bước đầu đã đem lại một số kết quả nhất định.

Xét theo giá trị, ngành trồng trọt tăng từ 945,82 tỷ đồng (năm 2000) lên 2.065,75 tỷ đồng (năm 2006), đến năm 2012 là 5.759,76 tỷ đồng tăng hơn 6 lần so với năm 2000. Ngành chăn nuôi phát triển nhanh: giá trị sản xuất năm 2000 đạt 448,06 tỷ đồng, đến năm 2006 đạt 930,96 tỷ đồng và đến năm 2012 là 4.721,67 tỷ đồng tăng hơn 10 lần so với năm 2000. Trong nhóm trồng trọt, các loại cây có giá trị là thế mạnh của tỉnh dẫn chiếm ưu thế: chè, rau sạch, rau chất lượng cao tăng đáng kể.

BẢNG 3: Giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá hiện hành phân theo ngành kinh tế

Năm	Tổng số	Ngành trồng trọt		Ngành chăn nuôi		Dịch vụ và các hoạt động khác	
		Tỷ lệ(%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ(%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ(%)	Giá trị (tỷ đồng)
2000	1.445,13	65,5	945,82	31	448,06	3,5	51,25
2006	3.219,25	64,1	2.065,75	28,9	930,96	7	222,54
2012	11.146,05	51,7	5.759,76	42,3	4.721,67	6	664,62

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2013.

Trong những năm qua, kinh tế nông nghiệp Thái Nguyên phát triển theo hướng đa dạng hóa, thâm canh, chuyển canh những cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, có thị

trường tiêu thụ nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh, tăng thêm giá trị trên một đơn vị diện tích. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch từng bước theo hướng

giảm tỷ trọng giá trị trồng trọt, tăng tỷ trọng giá trị chăn nuôi trong GDP. Tuy nhiên, tốc độ chuyển dịch còn chậm, ngành trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng cao trong GDP.

Nhìn chung, cơ cấu nội bộ ngành cũng như cả nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản đã có sự chuyển dịch nhưng chậm. Nguyên nhân của tình trạng cơ cấu nội bộ ngành chậm chuyển dịch do lĩnh vực chăn nuôi không ổn định, sản xuất theo hướng trang trại, chăn nuôi công nghiệp còn nhiều hạn chế.

1.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ ngành dịch vụ

Giai đoạn 2000 – 2012, cơ cấu ngành dịch vụ tỉnh Thái Nguyên đã có sự chuyển dịch đúng hướng, tuy nhiên tốc độ chuyển dịch còn chậm: 35,95% (năm 2000) lên 36,52% (năm 2006), và đến năm 2012 là 37,81% GDP; riêng năm 2006 có mức chuyển dịch rõ nét, tăng 1,44 điểm % so với năm 2005, các năm tiếp theo có mức chuyển dịch không đáng kể. Tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ tương đối ổn định, mặc dù chịu ảnh hưởng chung từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng từ năm 2009 nhờ việc thực hiện có hiệu quả các chính sách kích cầu đầu tư, tiêu dùng của Chính phủ nên hoạt động thương mại, dịch vụ nội địa đã đạt được nhiều kết quả tốt.

Trong cơ cấu nội bộ ngành, ngành thương mại - dịch vụ có xu hướng chuyển dịch nhanh tăng từ 16,4% GDP năm 2005 lên 19,47% GDP năm 2012. Ngành dịch vụ xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo có xu hướng chuyển dịch chậm, đặc biệt lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong giai đoạn 2006-2012 có xu hướng giảm (từ 7,5% GDP năm 2006 xuống còn 6,3% GDP năm 2012), điều này thể hiện Thái Nguyên chưa phát huy được lợi thế về phát triển giáo dục đào tạo với vai trò là trung tâm vùng, nguồn lực đầu tư cho phát triển của trung ương và địa phương còn hạn chế.

Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội bình quân 5 năm 2006-2010 đạt 21%. Doanh thu dịch vụ du

lich, khách sạn, nhà hàng dự báo đạt 950 tỷ đồng vào năm 2010 và đạt 5.000 tỷ đồng vào năm 2020; khách du lịch đạt khoảng 1,2 triệu lượt (trong đó: khách quốc tế đạt 30 nghìn lượt) năm 2012, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội đạt 7.850 tỷ đồng năm 2012; một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: chè, quặng kẽm chế biến, sản phẩm may mặc, quặng đa kim.

Ngành du lịch cũng đang được quan tâm đúng mức, với lợi thế có nhiều danh lam thắng cảnh tự nhiên như hồ Núi Cốc, hang Phượng Hoàng, các di tích lịch sử như: An toàn khu Việt Bắc - ATK, có rừng Khuôn Mảnh và di tích khảo cổ học thời kỳ đồ đá cũ ở huyện Võ Nhai. Bên cạnh đó, còn có các di tích kiến trúc nghệ thuật chùa chiến, đình, đền tại nhiều địa phương trong tỉnh như: Khu Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam, đền Đuối, chùa Hang, chùa Phủ Liễn, đền Xương Rồng, đền Đội Cấn. Hiện nay, Thái Nguyên đang triển khai quy hoạch khu du lịch hang Phượng Hoàng, suối Mỏ Gà, hồ Suối Lạnh... và cả hệ thống khách sạn chất lượng cao gần đạt tiêu chuẩn quốc tế. Đây là một lợi thế rất lớn giúp tỉnh Thái Nguyên phát triển ngành du lịch – một ngành đang ngày càng đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Từ sự phân tích trên có thể thấy cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực chuyển dịch còn chậm, tỷ trọng giữa các ngành, lĩnh vực không đạt kế hoạch đề ra. Chưa có sự gắn kết giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành với chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Cơ cấu mặc dù đã chuyển dịch theo hướng tích cực, song còn có sự khác biệt giữa các vùng tạo nên sự chênh lệch giàu nghèo, mức sống giữa các vùng.

2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tỉnh Thái Nguyên

2.1. Chuyển dịch cơ cấu và phát triển ngành công nghiệp

Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng,

sức cạnh tranh, tạo nền tảng phát triển công nghiệp nhằm phát huy tốt lợi thế của tỉnh. Từng bước chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thuộc các ngành công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp dược... Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu; phát triển công nghiệp gắn với phát triển dịch vụ. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến khoáng sản, nông, lâm sản, gắn chế biến với vùng nguyên liệu tập trung; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật tiên tiến trong khai thác, chế biến, bảo quản và lưu thông sản phẩm.

Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hình thức cụm, nhóm sản phẩm tạo thành các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn và hiệu quả cao; hoàn thành việc xây dựng các khu công nghệ cao và triển khai xây dựng một số khu nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ. Thực hiện phân bố công nghiệp hợp lý trên toàn lãnh thổ để bảo đảm phát triển cân đối, hiệu quả giữa các vùng.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Nhanh chóng tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và đấu thầu quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu chất lượng cao.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu và phát triển ngành nông, lâm nghiệp

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững. Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ; thu nhập bình quân đầu người khu vực

nông thôn tăng 1,8-2 lần so với năm 2010. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng để duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 4,5%.

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, trên cơ sở tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, phấn đấu đến năm 2015 giá trị sản phẩm đạt trên 85 triệu đồng/ha đất nông nghiệp trồng trọt. Quản lý tốt diện tích đất trồng lúa theo quy hoạch. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học nhất là công nghệ sinh học, công nghệ chế biến sau thu hoạch. Chuyển đổi diện tích chè bằng các giống mới theo hướng tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển trồng rau an toàn, hoa, cây cảnh.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học gắn với tổ chức giết mổ tập trung, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng bình quân hàng năm trên 9%, đến năm 2015 chiếm trên 37% trong giá trị sản xuất nông nghiệp. Quản lý, khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản. Phát triển các loại thủy sản phù hợp điều kiện địa phương.

Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi. Củng cố hệ thống đê, kè chống lũ, chống sạt lở; quản lý, khai thác tốt các công trình thủy lợi; có giải pháp đồng bộ chủ động phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai.

Thực hiện tốt công tác cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Phát triển hệ thống dịch vụ, kỹ thuật nông, lâm nghiệp. Tăng cường củng cố các thành phần kinh tế và ngành nghề ở nông thôn, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, hộ gia đình và kinh tế trang trại. Thực hiện tốt việc gắn kết chặt chẽ 4 nhà (nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nước) và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn.

2.3. Chuyển dịch cơ cấu và phát triển ngành dịch vụ

Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh. Phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng và nâng cao chất lượng hoạt động với nhiều thành phần kinh tế tham gia đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng thương mại theo quy hoạch. Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn tỉnh tăng bình quân hàng năm 25%; giá trị sản xuất các ngành dịch vụ bình quân hàng năm tăng 16%.

Triển khai có hiệu quả các chính sách phát triển thương mại trên địa bàn, trong đó, tiếp tục phát triển mạng lưới chợ, nhất là chợ đầu mối, chợ nông thôn để phục vụ sản xuất và tiêu dùng. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, chú trọng mở rộng thị trường nội địa; có cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng hàng hoá sản xuất trong nước. Tăng cường công tác quản lý thị trường, thực hiện tốt kiểm tra, kiểm soát, phòng, chống và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại.

Tập trung phát triển ngành du lịch, nhất là du lịch sinh thái và du lịch văn hóa lịch sử. Đẩy mạnh xã hội hoá phát triển du lịch, liên kết, xúc tiến với các tỉnh lân cận để hình thành các tua, tuyến du lịch liên hoàn. Có cơ chế khuyến khích để các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch. Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch. Phấn đấu doanh thu du lịch tăng bình quân hàng năm 25%.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ vận tải, phục vụ nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách dân cư. Phát triển nhanh, đa dạng hóa, khai thác có hiệu quả các loại hình dịch vụ bưu chính - viễn thông nhằm cung cấp cho người sử dụng với chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống.

Phấn đấu thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm 20% và đến năm 2015 cơ bản đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy sản xuất, kinh

doanh nhằm phát triển nguồn thu gắn với chống thất thu ngân sách. Thực hiện tốt chính sách tiền tệ, phát triển thị trường tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Kết luận

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở Thái Nguyên giai đoạn 2006- 2012 chủ yếu là sự thay đổi cơ cấu theo hướng tăng mạnh tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp, thủy sản, cùng với đó là sự ổn định tỷ trọng ngành dịch vụ. Đáng chú ý là sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế của Thái Nguyên giai đoạn 2006 – 2012 là sự biến đổi về chất, tăng tỷ trọng các ngành sản xuất công nghiệp với kỹ thuật hiện đại và gia tăng dịch vụ hiện đại trong công nghiệp và dịch vụ, đồng thời chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang phương thức sản xuất công nghiệp hiện đại hóa. Tốc độ chuyển dịch cao theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cơ cấu kinh tế Thái Nguyên một mặt thể hiện vai trò đầu tàu đi trước của nơi có ưu thế phát triển công nghiệp, của địa bàn trọng điểm, mặt khác nó còn có khả năng thực tiễn do Thái Nguyên với lợi thế của mình có điều kiện thu hút các nguồn lực to lớn để đầu tư phát triển công nghiệp từ các nguồn, đặc biệt là nguồn đầu tư nước ngoài./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UBND tỉnh Thái Nguyên (2011), *"Công báo tỉnh Thái Nguyên"*.
2. UBND tỉnh Thái Nguyên (2012), *"Đề án bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2011 – 2015"*, Thái Nguyên.
3. UBND tỉnh Thái Nguyên (2011), *"Quy hoạch bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020"*, Thái Nguyên.
4. UBND tỉnh Thái Nguyên (2011), *"Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020"*, Thái Nguyên.
5. UBND tỉnh Thái Nguyên (2011), *"Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020"*, Thái Nguyên.
6. UBND tỉnh Thái Nguyên (2011), *"Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020"*, Thái Nguyên.